

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày: 18/01/2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Quốc Hội**.

Các Hội thẩm nhân dân.

1. Ông **Lê Chánh Ngôn**.

2. Ông **Dương Hồng Vinh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông **Lê Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 168/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐ-HPT ngày 28/12/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn L; Tên gọi khác: (không có); Sinh năm: 1990, tại Hà Nam; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã B, thành phố P, tỉnh H; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Bird Of Paradise Homestay, thôn P, xã M, huyện N, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Tiền sự: (Không có);

Tiền án: Ngày 12/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo bản án số 64/HSST; chấp hành án xong ngày 19/01/2023, đến nay bị cáo chưa được xóa án tích.

*** Quan hệ gia đình:** Con ông Nguyễn Văn L1 (đã chết) và bà Chu Thị L2 (đã chết); Gia đình có hai anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995; Vợ, con: (chưa có);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/9/2023 đến ngày 09/9/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2023 cho đến nay. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện N, tỉnh B. (vắng mặt)
2. Bà Hà Kim T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 3, xã H, xã BB, huyện B. (vắng mặt)
3. Ông Tô Văn B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện TB, tỉnh B. (vắng mặt)
4. Bà Mai Thị T1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn H, xã L, thành phố P, tỉnh B. (vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị Yến N1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố P, tỉnh B. (vắng mặt– có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
6. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện N, tỉnh B.(vắng mặt)
7. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh B. (vắng mặt)
8. Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh B. (vắng mặt– có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
9. Bà Nguyễn Thị Thanh L3, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố P, tỉnh B. (vắng mặt)
10. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện N, tỉnh B. (vắng mặt– có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
11. Ông Lê Nguyễn L4, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thành phố P, tỉnh B. (vắng mặt)
12. Bà Bùi Thị Phương T2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện TB, tỉnh B. (có mặt)
13. Bà Hà Thị Ngọc B1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện TB, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh B Thuận truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tháng 5/2023, Nguyễn Văn L đến xã Tiên Lợi, thành phố Phan Thiết, tỉnh B Thuận thuê nhà trọ ở và hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao nhằm lấy tiền lời. Từ

tháng 6/2023, L đăng tải thông tin về việc cho vay tiền và để lại số điện thoại trên mạng xã hội Facebook nhằm mục đích ai có nhu cầu vay tiền thì liên hệ với L. Từ đó cho đến nay L đã cho N1ều người ở địa bàn huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Bắc B và thành phố Phan Thiết, tỉnh B Thuận vay tiền. Khi cho vay tiền giữa L và người vay không làm hợp đồng vay mà chỉ cần người vay chỉ cho L biết nhà để hằng ngày L đến thu tiền. Ngày 30/8/2023, khi L đang chờ thu tiền lãi của chị Nguyễn Thị Thúy N (sinh năm 1992, trú Thôn S, xã M, huyện N, tỉnh B) thì bị Công an xã Hàm Mỹ nhận được thông tin L là đối tượng cho vay lãi nặng nên đã mời L về trụ sở làm việc.

Tang vật tạm giữ:

- 01 điện thoại Iphone 8 Plus, số IMEI: 356115095167868;
- 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 86C1-804.74;
- Số tiền 3.210.000 Việt Nam đồng.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023, Nguyễn Văn L đã cho 12 người khác nhau vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy N:

Vay lần 1: vào khoảng giữa tháng 7/2023, N vay L số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị N số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối và 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị N đã trả tiền cho L được 08 ngày với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 13 ngày với số tiền 3.900.000 đồng, N tiếp tục vay lần 2 để trả cho L.

Vay lần 2: cũng vào tháng 7/2023, N vay L số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày N phải trả cho L cả gốc và lãi là 300.000 đồng, góp trong 21 ngày. L tính tiền phí 5% tức 250.000 đồng và lấy trước tiền ngày đầu và ngày cuối là 600.000 đồng, trừ tiền vay lần 1 còn thiếu 13 ngày tức 3.900.000 đồng. L chỉ đưa cho N số tiền 250.000 đồng. Sau đó, chị N trả cho L được 05 ngày với tổng số tiền 1.500.000 đồng bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ lúc cho vay tiền, còn lại 16 ngày với tổng số tiền 4.800.000 đồng, đến nay N vẫn chưa trả cho L.

Lãi suất mà L đã cho N vay là: 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 115.068 đồng
- Số tiền thu lợi bất chính là: $(1.300.000 + 500.000) \text{ đồng} + (1.300.000 + 250.000) \text{ đồng} - 115.068 \text{ đồng} = 3.234.932 \text{ đồng}.$

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $(1.300.000 + 500.000)$ đồng + $(300.000 \times 5 - (5.000.000 \times 5):21)$ đồng + 250.000 đồng - 115.068 đồng = 2.244.456 đồng

- Số tiền gốc mà L đã nhận: 5.000.000 đồng + $(5.000.000 \times 5):21$ đồng = 6.190.476 đồng.

- Số tiền gốc mà N đang giữ: 10.000.000 đồng - 6.190.476 đồng = 3.809.524 đồng.

2. Hà Kim T (sinh năm 1981, trú thôn 3, xã H, xã BB, huyện B): đầu tháng 8/2023, T vay L số tiền 6.000.000 đồng, hình thức vay là trả góp mỗi ngày 400.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc, trả trong thời gian 19 ngày là đủ tiền gốc và lãi. Khi cho vay L trừ 800.000 đồng là tiền lãi và gốc của ngày đầu và ngày cuối, trừ 300.000 đồng là tiền phí cho vay (tôi trừ 5% tổng số tiền vay). Thực tế số tiền mà L đưa cho chị T là 4.900.000 đồng. Chị T đã trả cho L được 16 ngày (bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ trước) với tổng số tiền 6.400.000 đồng, còn lại 03 ngày với tổng số tiền 1.200.000 đồng chị T chưa trả cho L.

Lãi suất mà L đã cho T vay là: 448,25%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 62.466 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $(400.000 \times 19 - 6.000.000)$ đồng + 300.000 đồng - 62.466 đồng = 1.837.534 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $(400.000 \times 16 - (6.000.000 \times 16):19)$ đồng + 300.000 đồng - 62.466 đồng = 1.584.902 đồng

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $(6.000.000 \times 16):19$ đồng = 5.052.632 đồng.

- Số tiền gốc mà T đang giữ: 6.000.000 đồng - 5.052.632 đồng = 947.368 đồng.

3. Tô Văn B (sinh năm 1979, trú thôn Đ, xã H, huyện TB): ngày 22/8/2023, B vay L số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 500.000 đồng, góp trong 25 ngày. Thực tế L chỉ đưa cho anh B số tiền 8.500.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 5% tổng số tiền vay. Anh B đã trả tiền cho L được 11 ngày với tổng số tiền là 5.500.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 14 ngày với tổng số tiền 7.000.000 đồng anh B chưa trả thì L bị Công an phát hiện.

Lãi suất mà L đã cho B vay là: 365%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 60.274 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $500.000 \times 11 \text{ đồng} - (10.000.000 \times 11) : 25 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng} - 60.274 \text{ đồng} = 1.539.726 \text{ đồng}$.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: 1.539.726 đồng

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $(10.000.000 \times 11) : 25 \text{ đồng} = 4.400.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền gốc mà B đang giữ: $10.000.000 \text{ đồng} - 4.400.000 \text{ đồng} = 5.600.000 \text{ đồng}$.

4. Mai Thị T1 (sinh năm 1989, trú thôn H, xã L, thành phố P): ngày 21/8/2023, T1 vay L số tiền 3.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, góp trong 19 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị T1 số tiền 2.300.000 đồng, còn lại 400.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 300.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị T1 đã trả tiền cho L được 11 ngày với tổng số tiền là 2.200.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 08 ngày với tổng số tiền 1.600.000 đồng chị T1 chưa trả thì L bị Công an phát hiện.

Lãi suất mà L đã cho T1 vay là: 512,28%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 18.082 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $200.000 \times 11 \text{ đồng} - (3.000.000 \times 11) : 19 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng} - 18.082 \text{ đồng} = 745.076 \text{ đồng}$.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: 745.076 đồng.

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $(3.000.000 \times 11) : 19 \text{ đồng} = 1.736.842 \text{ đồng}$.

- Số tiền gốc mà T1 đang giữ: $3.000.000 \text{ đồng} - 1.736.842 \text{ đồng} = 1.263.158 \text{ đồng}$.

5. Nguyễn Thị Y N1 (sinh năm 1989, trú thôn Tiến B, xã T, thành phố P): ngày 28/8/2023, N1 vay L số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị N1 số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị N1 đã trả tiền cho L được 04 ngày với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 17 ngày với tổng số tiền 5.100.000 đồng chị N1 chưa trả thì L bị Công an phát hiện.

Lãi suất mà L đã cho N1 vay là: 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 10.959 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $300.000 \times 4 \text{ đồng} - (5.000.000 \times 4):21 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng} - 10.959 \text{ đồng} = 736.660 \text{ đồng}$.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $= 736.660 \text{ đồng}$

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $(5.000.000 \times 4):21 \text{ đồng} = 952.381 \text{ đồng}$.

- Số tiền gốc mà N1 đang giữ: $5.000.000 \text{ đồng} - 952.381 \text{ đồng} = 4.047.619 \text{ đồng}$.

6. Nguyễn Thị Mỹ H (sinh năm 1990, trú thôn D, xã K, huyện N):

Vay lần 1: tháng 6/2023, H vay L số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị H số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị H đã trả đủ cho L tiền gốc và tiền lãi.

Vay lần 2: tháng 7/2023, chị H tiếp tục vay của L với số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị H số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị H đã trả tiền cho L được 14 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 07 ngày với tổng số tiền 2.100.000 đồng chị H chưa trả cho L.

Lãi suất mà L đã cho H vay là: 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 115.068 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $(1.300.000 + 500.000) \times 2 \text{ đồng} - 115.068 \text{ đồng} = 3.484.932 \text{ đồng}$.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $(1.300.000 + 500.000) \text{ đồng} + (300.000 \times 14 - (5.000.000 \times 14):21) \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng} - 115.068 \text{ đồng} = 3.051.599 \text{ đồng}$

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $5.000.000 \text{ đồng} + (5.000.000 \times 14):21 \text{ đồng} = 8.333.333 \text{ đồng}$.

- Số tiền gốc mà H đang giữ: $5.000.000 \text{ đồng} - (5.000.000 \times 14):21 \text{ đồng} = 1.666.667 \text{ đồng}$.

7. Nguyễn Thị Hoàng Y (sinh năm 1977, trú thôn P, xã M, huyện N):

Vay lần 1: ngày 05/8/2023, Y vay L số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế

L chỉ đưa cho chị Y số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị Y đã trả tiền cho L được 13 ngày với tổng số tiền là 3.900.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 08 ngày với tổng số tiền 2.400.000 đồng chị Y tiếp tục vay lần 2 để trả cho L.

Vay lần 2: ngày 20/8/2023, chị Y tiếp tục vay của L với số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị Y số tiền 1.500.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay và 2.400.000 đồng mà chị Y còn nợ của L ở lần vay trước. Chị Y đã trả tiền cho L được 09 ngày với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 12 ngày với tổng số tiền 3.600.000 đồng chị Y chưa trả thì L bị Công an phát hiện. Tính đến ngày bị phát hiện là 11 ngày lãi nhưng Y mới trả cho L được 09 ngày.

Lãi suất mà L đã cho Y vay là: 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 87.671 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $(300.000 \times 21 - 5.000.000)$ đồng + 500.000 đồng + $(300.000 \times 11 - (5.000.000 \times 11):21)$ đồng + 500.000 đồng - 87.671 đồng = 2.893.281 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $(300.000 \times 21 - 5.000.000)$ đồng + 500.000 đồng + $(300.000 \times 9 - (5.000.000 \times 9):21)$ đồng + 500.000 đồng - 87.671 đồng = 2.769.472 đồng

- Số tiền gốc mà L đã nhận: 5.000.000 đồng + $(5.000.000 \times 9):21$ đồng = 7.142.857 đồng.

- Số tiền gốc mà Y đang giữ: 10.000.000 đồng - 7.142.857 đồng = 2.857.143 đồng.

8. Nguyễn Thị Tuyết V (sinh năm 1994, trú thôn Đ, xã M, huyện N):

Vay lần 1: tháng 6/2023, V vay L số tiền 15.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 900.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị V số tiền 11.700.000 đồng, còn lại 1.800.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 1.500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị V đã trả tiền cho L được 12 ngày với tổng số tiền là 10.800.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước

đó. Còn lại 09 ngày với tổng số tiền 8.100.000 đồng chị V tiếp tục vay lần 2 để trả cho L.

Vay lần 2: tháng 7/2023, chị V tiếp tục vay của L với số tiền 25.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị V số tiền 12.650.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 1.250.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 5% tổng số tiền vay và 8.100.000 đồng mà chị V còn nợ của L ở lần vay trước. Chị V đã trả tiền cho L được 03 ngày với tổng số tiền là 4.500.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 18 ngày với tổng số tiền 27.000.000 đồng chị V chưa trả được cho L.

Lãi suất mà L đã cho V vay là: 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 460.274 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $(900.000 \times 21 - 15.000.000)$ đồng + 1.500.000 đồng + $(1.500.000 \times 21 - 25.000.000)$ đồng + 1.250.000 đồng - 460.274 đồng = 12.689.726 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $(900.000 \times 21 - 15.000.000)$ đồng + 1.500.000 + $(1.500.000 \times 3 \text{ đồng} - (25.000.000 \times 3):21)$ đồng + 1.250.000 đồng - 460.274 đồng = 7.118.297 đồng

- Số tiền gốc mà L đã nhận: 15.000.000 đồng + $(25.000.000 \times 3):21$ đồng = 18.571.429 đồng.

- Số tiền gốc mà V đang giữ: 25.000.000 đồng - $(25.000.000 \times 3):21$ đồng = 21.428.571 đồng.

9. Nguyễn Thị Thanh L3 (sinh năm 1997, trú thôn B, xã T, thành phố P): ngày 15/8/2023, L3 vay L số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị L3 số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Chị L3 đã trả tiền cho L được 12 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 09 ngày với tổng số tiền 2.700.000 đồng chị L3 chưa trả thì L bị Công an phát hiện. Tính đến ngày bị phát hiện là 16 ngày lãi nhưng L3 mới trả cho L được 12 ngày.

Lãi suất mà L đã cho L3 vay là: 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 43.826 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: $(300.000 \times 16 - (5.000.000 \times 16):21)$ đồng + 500.000 đồng - 43.826 đồng = 1.446.650 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $(300.000 \times 12 - (5.000.000 \times 12):21)$ đồng + 500.000 đồng - 43.826 đồng = 1.199.031 đồng

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $(5.000.000 \times 12):21)$ đồng = 2.857.143 đồng.

- Số tiền gốc mà L3 đang giữ: 5.000.000 đồng - 2.857.143 đồng = 2.142.857 đồng.

10. Nguyễn Thị N2 (sinh năm 1964, trú thôn D, xã K, huyện N): ngày 27/8/2023, bà N2 vay L số tiền 2.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 150.000 đồng, góp trong 19 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho bà N2 số tiền 1.500.000 đồng, còn lại 300.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 200.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Bà N2 đã trả tiền cho L được 02 ngày với tổng số tiền là 300.000 đồng, là tiền mà L đã trừ trước đó. Còn lại 17 ngày với tổng số tiền 2.250.000 đồng bà N2 chưa trả thì L bị Công an phát hiện. Tính đến ngày bị phát hiện là 04 ngày lãi nhưng bà N2 mới trả cho L được 02 ngày.

Lãi suất mà L đã cho bà N2 vay là: 816,45%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 4.384 đồng

- Số tiền thu lợi bất chính là: 150.000×4 đồng – $(2.000.000 \times 4):19$ đồng + 200.000 đồng - 4.384 đồng = 374.563 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: 150.000×2 đồng – $(2.000.000 \times 2):19$ đồng + 200.000 đồng - 4.384 đồng = 285.090 đồng.

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $(2.000.000 \times 2):19$ đồng = 210.526 đồng.

- Số tiền gốc mà N2 đang giữ: 2.000.000 đồng - 210.526 đồng = 1.789.474 đồng.

11. Lê Nguyễn L4 (sinh năm 1990, trú khu phố 4, phường L, thành phố P):

Vay lần 1: ngày 07/8/2023, L4 vay L số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho anh L4 số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Anh L4 đã trả tiền cho L được 15 ngày với tổng số tiền là 4.500.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Khi còn lại 06 ngày với tổng số tiền 1.800.000 đồng anh L4 tiếp tục vay của L để trả.

Vay lần 2: cuối tháng 8/2023, L4 vay L với số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho anh L4 số tiền 2.100.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay và 1.800.000 đồng mà anh L4 còn nợ của L ở lần vay trước. Anh L4 đã trả tiền cho L được 06 ngày với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 15 ngày với tổng số tiền 4.500.000 đồng anh L4 chưa trả thì L bị Công an phát hiện.

Lãi suất mà L đã cho L4 vay là: 451,9%/năm, lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 73.972 đồng
- Số tiền thu lợi bất chính là: $(300.000 \times 21 - 5.000.000)$ đồng + 500.000 đồng + $(300.000 \times 6 - (5.000.000 \times 6) : 21)$ đồng + 500.000 đồng - 73.972 đồng = 2.597.457 đồng.
- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: 2.597.457 đồng
- Số tiền gốc mà L đã nhận: $5.000.000$ đồng + $(5.000.000 \times 6) : 21$ đồng = 6.428.571 đồng.
- Số tiền gốc mà L4 đang giữ: $5.000.000$ đồng - $(5.000.000 \times 6) : 21$ đồng = 3.571.429 đồng.

12. Bùi Thị Phương T2 (sinh năm 1980, trú thôn L, xã C, huyện TB):

Vay lần 1: tháng 7/2023, T2 vay L số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị T2 số tiền 4.150.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 250.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 5% tổng số tiền vay. T2 đã trả tiền cho L được 14 ngày với tổng số tiền là 4.200.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 07 ngày với tổng số tiền 2.100.000 đồng chị T2 chưa trả được cho L.

Vay lần 2: trong tháng 7/2023, chị T2 tiếp tục vay của L với số tiền 3.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, góp trong 19 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị T2 số tiền 2.450.000 đồng, còn lại 400.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 150.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 5% tổng số tiền vay. T2 đã trả tiền cho L được 14 ngày với tổng số tiền là 2.800.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 07 ngày với tổng số tiền 1.400.000 đồng chị T2 chưa trả được cho L.

Vay lần 3: tháng 8/2023, chị T2 tiếp tục vay của L với số tiền 4.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 250.000 đồng, góp trong 19 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho chị T2 số tiền 3.300.000 đồng, còn lại 500.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu và ngày cuối, còn 200.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 5% tổng số tiền vay. T2 đã trả tiền cho L được 14 ngày với tổng số tiền là 3.500.000 đồng, trong đó bao gồm cả ngày đầu và ngày cuối mà L đã trừ tiền trước đó. Còn lại 07 ngày với tổng số tiền 1.750.000 đồng chị T2 chưa trả được cho L.

Lãi suất mà L đã cho T2 vay là: vay lần thứ nhất là 451,9%/năm, vay lần thứ hai là 512,28%, vay lần thứ ba là 360,2% lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm).

- Số tiền lãi cho phép là: 57.534 đồng + 31.233 đồng + 41.644 đồng = 130.411 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính là: $(300.000 \times 21 - 5.000.000)$ đồng + 250.000 đồng + $(200.000 \times 19 - 3.000.000)$ đồng + 150.000 đồng + $(250.000 \times 19 - 4.000.000)$ đồng + 200.000 đồng - 130.411 đồng = 3.319.589 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính thực tế mà L đã nhận: $(300.000 \times 14 - (5.000.000 \times 14):21)$ đồng + 250.000 đồng + $(200.000 \times 12 - (3.000.000 \times 12):19)$ đồng + 150.000 đồng + $(250.000 \times 12 - (4.000.000 \times 12):19)$ đồng + 200.000 đồng - 130.411 đồng = 2.315.203 đồng.

- Số tiền gốc mà L đã nhận: $(5.000.000 \times 14):21$ đồng + $(3.000.000 \times 12):19$ đồng + $(4.000.000 \times 12):19$ đồng = 7.754.386 đồng.

- Số tiền gốc mà T2 đang giữ: 5.000.000 đồng + 3.000.000 đồng + 4.000.000 đồng - 7.754.386 đồng = 4.245.614 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone 8 Plus, số IMEI: 356115095167868 là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, số tiền 3.210.000 Việt Nam đồng là tiền lãi và tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay của L nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo luật định.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius biển số 86C1-804.74, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 123.000.000 đồng mà Nguyễn Văn L đã dùng để cho 12 người vay, đây là số tiền dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền này hiện Nguyễn Văn L đang giữ 69.630.576 đồng; người vay đang

giữ 53.369.424 đồng, trong đó: Nguyễn Thị Thúy N giữ số tiền 3.809.524 đồng, Hà Kim T giữ số tiền 947.368 đồng, Tô Văn B giữ số tiền 5.600.000 đồng, Mai Thị T1 giữ số tiền 1.263.158 đồng, Nguyễn Thị Ý N1 giữ số tiền 4.047.619 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H giữ số tiền 1.666.667 đồng, Nguyễn Thị Hoàng Y giữ số tiền 2.857.143 đồng, Nguyễn Thị Tuyết V giữ số tiền 21.428.571 đồng, Nguyễn Thị Thanh L3 giữ số tiền 2.142.857 đồng, Nguyễn Thị N2 giữ số tiền 1.789.474 đồng, Lê Nguyễn L4 giữ số tiền 3.571.429 đồng, Bùi Thị Phương T2 giữ số tiền 4.242.614 đồng;

Đối với số tiền 26.186.969 đồng tiền thu lợi bất chính thực tế mà Nguyễn Văn L đã nhận của 12 người vay, cần trả lại cho những người vay, trong đó: Nguyễn Thị Thúy N số tiền 2.244.456 đồng, Hà Kim T số tiền 1.584.902 đồng, Tô Văn B số tiền 1.539.726 đồng, Mai Thị T1 số tiền 745.076 đồng, Nguyễn Thị Y N1 số tiền 736.660 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 3.051.599 đồng, Nguyễn Thị Hoàng Y số tiền 2.769.472 đồng, Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 7.118.297 đồng, Nguyễn Thị Thanh L3 số tiền 1.199.031 đồng, Nguyễn Thị N2 số tiền 285.090 đồng, Lê Nguyễn L4 số tiền 2.597.457 đồng, Bùi Thị Phương T2 số tiền 2.315.203 đồng;

Đối với số tiền 1.182.455 đồng (tương ứng với mức lãi suất cho vay cao nhất do Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm), không bị tính là thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; số tiền này hiện Nguyễn Văn L quản lý.

Đối với việc L cho Hà Thị Ngọc B1 (sinh năm 1967, trú thôn K, xã T, huyện TB) vay số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho bà B1 số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu, ngày cuối và 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Vì không có tiền trả bà B1 xin L trả mỗi ngày 200.000 đồng, trả trong 25 ngày, nhưng do L đã trừ ngày đầu và ngày cuối nên bà B1 phải trả trong 23 ngày. Bà B1 đã trả cho L được 13 ngày, còn lại 10 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng đến nay bà B1 chưa trả cho L. Lãi suất L cho vay là 69,52% chưa lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm); do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Bản cáo trạng số: 169/CT-VKSHTN-HS ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận thực hành quyền công tố phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nộp vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 8 Plus, số IMEI: 356115095167868 là công cụ thực hiện hành vi phạm tội và số tiền 3.210.000 Việt Nam đồng là tiền lãi và tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay của bị cáo.

(Hiện trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng vào ngày 27/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hàm Thuận Nam và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam).

Đối với xe mô tô hiệu Sirius biển số 86C1-804.74, đề nghị giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã truy tố; trong phần trình bày lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Phương T2 có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt; tuy nhiên, những người này đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về cấu thành tội phạm:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Văn L là một công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn có thể nhận thức được việc cho vay lãi nặng vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, vì hám lợi bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, đã thực hiện hành vi cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, cụ thể: Từ tháng 06/2023 đến tháng 8/2023, Nguyễn Văn L đã cho 12 người cư trú trên địa bàn huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Bắc B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vay tiền từ một đến ba lần với số tiền khác nhau, tổng số tiền cho vay là 123.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 360,2%/năm đến 816,45%/năm, tổng số tiền thu lợi bất chính được xác định là 34.900.126 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”.

Tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự....

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

Trong vụ án, mức lãi suất mà bị cáo Nguyễn Văn L cho vay đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định, tổng số tiền thu lợi bất chính được xác định là 34.900.126 đồng; như vậy, hành vi nói trên của Nguyễn Văn L là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý về tài chính, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát huyện Hàm Thuận Nam là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật .

[4] Về các yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách N1ệm hình sự:

Bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng đối với bị cáo.

Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách N1ệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[5] Quyết định hình phạt: Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự. Sau khi xem xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách N1ệm hình sự của bị cáo, xét vai trò, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án và quy định của pháp luật có liên quan, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo để răn đe, giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone 8 Plus, số IMEI: 356115095167868 - hiện trạng vật chứng nói trên như “Biên bản giao nhận tang vật” đề ngày 27/12/2023, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý; đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên HĐXX xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 3.210.000 đồng (Ba triệu hai trăm mười ngàn đồng) - hiện đang được tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.1054626.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Hàm Thuận Nam - theo Giấy nộp tiền ngày 27/12/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hàm Thuận Nam phát hành; HĐXX xét thấy đây là số tiền lãi và tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay đã thu giữ của bị cáo trong quá trình bắt quả tang nên phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Sirius biển số 86C1-804.74 đã thu giữ, chưa xác định rõ nguồn gốc, tình trạng pháp lý nên cần giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 123.000.000 đồng mà Nguyễn Văn L đã dùng để cho 12 người vay, đây là số tiền dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; số tiền này hiện Nguyễn Văn L đang giữ 69.630.576 đồng; những người

người vay đang giữ 53.369.424 đồng, trong đó: Nguyễn Thị Thúy N giữ số tiền 3.809.524 đồng, Hà Kim T giữ số tiền 947.368 đồng, Tô Văn B giữ số tiền 5.600.000 đồng, Mai Thị T1 giữ số tiền 1.263.158 đồng, Nguyễn Thị Y N1 giữ số tiền 4.047.619 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H giữ số tiền 1.666.667 đồng, Nguyễn Thị Hoàng Y giữ số tiền 2.857.143 đồng, Nguyễn Thị Tuyết V giữ số tiền 21.428.571 đồng, Nguyễn Thị Thanh L3 giữ số tiền 2.142.857 đồng, Nguyễn Thị N2 giữ số tiền 1.789.474 đồng, Lê Nguyễn L4 giữ số tiền 3.571.429 đồng, Bùi Thị Phương T2 giữ số tiền 4.242.614 đồng;

Đối với số tiền 26.186.969 đồng tiền thu lợi bất chính thực tế mà Nguyễn Văn L đã nhận của 12 người vay, cần buộc bị cáo trả lại cho những người vay, trong đó: Nguyễn Thị Thúy N số tiền 2.244.456 đồng, Hà Kim T số tiền 1.584.902 đồng, Tô Văn B số tiền 1.539.726 đồng, Mai Thị T1 số tiền 745.076 đồng, Nguyễn Thị Y N1 số tiền 736.660 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 3.051.599 đồng, Nguyễn Thị Hoàng Y số tiền 2.769.472 đồng, Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 7.118.297 đồng, Nguyễn Thị Thanh L3 số tiền 1.199.031 đồng, Nguyễn Thị N2 số tiền 285.090 đồng, Lê Nguyễn L4 số tiền 2.597.457 đồng, Bùi Thị Phương T2 số tiền 2.315.203 đồng;

Đối với số tiền lãi mà bị cáo đã thu của người vay tương ứng với mức lãi suất cho vay cao nhất mà Bộ luật dân sự quy được phép là 20%/năm được xác định là 1.182.455 đồng, mặc dù không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần phải tịch thu, buộc Nguyễn Văn L nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Đối với việc L cho Hà Thị Ngọc B1 (sinh năm 1967, trú thôn K, xã T, huyện TB) vay số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền là trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, góp trong 21 ngày là đủ số tiền gốc và lãi. Thực tế L chỉ đưa cho bà B1 số tiền 3.900.000 đồng, còn lại 600.000 đồng L trừ vào tiền gốc và lãi của ngày đầu, ngày cuối và 500.000 đồng là tiền phí cho vay, đây là số tiền L trừ 10% tổng số tiền vay. Vì không có tiền trả bà B1 xin L trả mỗi ngày 200.000 đồng, trả trong 25 ngày, nhưng do L đã trừ ngày đầu và ngày cuối nên bà B1 phải trả trong 23 ngày. Bà B1 đã trả cho L được 13 ngày, còn lại 10 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng đến nay bà B1 chưa trả cho L. Lãi suất L cho vay là 69,52% chưa lớn hơn gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tức 100%/năm). Do đó Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 3 Điều 201 và Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 01/09/2023 đến ngày 09/9/2023, bị cáo còn phải chấp hành 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự

công an huyện Hàm Thuận Nam nhận được Quyết định thi hành án; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hàm Mỹ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn L 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 điện thoại Iphone 8 Plus, số IMEI: 356115095167868 - hiện trạng vật chứng nói trên như “Biên bản giao nhận tang vật” đề ngày 27/12/2023, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.210.000 đồng (Ba triệu hai trăm mười ngàn đồng) - đây là số tiền lãi và tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay đã thu giữ của bị cáo trong quá trình bắt quả tang - hiện đang được tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.1054626.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Hàm Thuận Nam - theo Giấy nộp tiền ngày 27/12/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Hàm Thuận Nam phát hành.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng) mà Nguyễn Văn L đã dùng để cho 12 người vay. Trong đó, buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp số tiền 69.630.576 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ngàn năm trăm bảy mươi sáu đồng); buộc bà Nguyễn Thị Thúy N nộp số tiền 3.809.524 đồng (Ba triệu tám trăm lẻ chín ngàn năm trăm hai bốn đồng); buộc bà Hà Kim T nộp số tiền 947.368 đồng (Chín trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng); buộc ông Tô Văn B nộp số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm ngàn đồng); buộc bà Mai Thị T1 nộp số tiền 1.263.158 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn một trăm năm mươi tám đồng); buộc bà Nguyễn Thị Yến N1 nộp số tiền 4.047.619 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười chín đồng); buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H nộp số tiền 1.666.667 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); buộc bà Nguyễn Thị Hoàng Y nộp số tiền 2.857.143 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi ba đồng); buộc bà Nguyễn Thị Tuyết V nộp số tiền 21.428.571 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi một đồng); buộc bà Nguyễn Thị Thanh L3 nộp số tiền 2.142.857 đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm năm

mười bảy đồng); buộc bà Nguyễn Thị N2 nộp số tiền 1.789.474 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi bốn đồng); buộc ông Lê Nguyễn L4 nộp số tiền 3.571.429 đồng (ba triệu năm trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng); buộc bà Bùi Thị Phương T2 nộp số tiền 4.242.614 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm mười bốn đồng).

Buộc Nguyễn Văn L nộp vào ngân sách nhà nước số tiền lãi đã thu của người vay (tiền lãi phát sinh trong giới hạn mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định) là 1.182.455 đồng (Một triệu một trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Buộc Nguyễn Văn L trả lại số tiền thu lợi bất chính đã nhận của 12 người vay, trong đó trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền 2.244.456 đồng (Hai triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng), bà Hà Kim T số tiền 1.584.902 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi tư ngàn chín trăm lẻ hai đồng), ông Tô Văn B số tiền 1.539.726 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi sáu đồng), bà Mai Thị T1 số tiền 745.076 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng), bà Nguyễn Thị Yên N1 số tiền 736.660 đồng (Bảy trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi đồng), bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 3.051.599 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi một ngàn năm trăm chín mươi chín đồng), bà Nguyễn Thị Hoàng Y số tiền 2.769.472 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi hai đồng), bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 7.118.297 đồng (Bảy triệu một trăm mười tám ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng), bà Nguyễn Thị Thanh L3 số tiền 1.199.031 đồng (Một triệu một trăm chín mươi chín ngàn không trăm ba mươi một đồng), bà Nguyễn Thị N2 số tiền 285.090 đồng (Hai trăm tám mươi lăm ngàn không trăm chín mươi đồng), ông Lê Nguyễn L4 số tiền 2.597.457 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng), bà Bùi Thị Phương T2 số tiền 2.315.203 đồng (Hai triệu ba trăm mười lăm ngàn hai trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/01/2024). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh B Thuận;
- VKSND Hàm Thuận Nam;
- CA huyện Hàm Thuận Nam;
- THADS Hàm Thuận Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ – văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Hội